

Số: 3543 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 29 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường An Cường (kết nối xã Hải An, huyện Hải Hậu và thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh)
(nay là Xã Hải An, xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (cũ) về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường An Cường (kết nối xã Hải An, huyện Hải Hậu và thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 734/TTr-SXD ngày 25 tháng 8 năm 2026 và kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 8887/SXD-QLXD ngày 12 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường An Cường (kết nối xã Hải An, huyện Hải Hậu và thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh) (nay là Xã Hải An, xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường An Cường (kết nối xã Hải An, huyện Hải Hậu và thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh) (nay là Xã Hải An, xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình).

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Dự án nhóm C, công trình giao thông, cấp III; thời hạn sử dụng của công trình theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng cho dự án.

3. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và hướng tuyến công trình; diện tích sử dụng đất của dự án

a) Địa điểm xây dựng dự án: Xã Hải An và xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình.

b) Điểm đầu, điểm cuối và hướng tuyến công trình: Điểm đầu giao với đường An Đông, xã Hải An; điểm cuối giao với đường trục xã Ninh Cường. Hướng tuyến công trình bắt đầu tại Km0+00 bám theo đường BTXM hiện hữu chiều dài khoảng 720m; đoạn tiếp theo chiều dài khoảng 1,0 km tuyến chạy cắt qua cánh đồng lúa và vượt kênh Sa Thổ bằng cầu bản; đoạn tiếp theo tuyến đi qua khu vực dân cư và vượt kênh Ngòi Kéo bằng cầu bản giao với đường BTXM thuộc tổ dân phố Nam Bắc Đường, xã Ninh Cường; tuyến tiếp tục chạy theo đường BTXM khoảng 1,0 km và kết thúc tại Km2+930,54 giao với đường trục xã Ninh Cường.

c) Diện tích sử dụng đất của dự án: Khoảng 23.867,4 m².

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

5. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình.

6. Nhà thầu tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế Đông Á; mã số doanh nghiệp: 0600414034.

7. Mục tiêu của dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường An Cường nhằm mục tiêu kết nối xã Hải An và xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

8.1. Quy mô xây dựng: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường với chiều dài khoảng 2,94 km theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng có chàm trước yếu tố hình học nhằm hạn chế giải phóng mặt bằng, hạn chế ảnh hưởng tới dân sinh và xây dựng đồng bộ các công trình trên tuyến.

8.2. Giải pháp thiết kế xây dựng chủ yếu

a) Mặt cắt dọc: Cao độ thiết kế được xác định trên cơ sở tần suất thiết kế $H=4\%$ và phù hợp với cao độ mặt đường hiện trạng, cao độ các đường giao, cao độ điểm khống chế các công trình cầu cống thuộc quản lý của các đơn vị khai thác sử dụng, cao độ nhà dân và các công trình kiến trúc 2 bên đường.

b) Mặt cắt ngang

- Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 9 \text{ m}$.

- Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7 \text{ m}$.

- Bề rộng lề đất: $B_{\text{lề đất}} = (2 \times 1,0) \text{ m} = 2,0 \text{ m}$.

c) Nền đường

- Đối với đoạn tuyến đi trùng với đường cũ đã hư hỏng mặt đường: Bóc bỏ lớp mặt đường cũ đã hư hỏng, đào khuôn nền đường.

- Đối với đoạn tuyến đi trùng với mặt đường cũ còn tốt: Tận dụng lại nền, mặt đường hiện trạng; xử lý triệt để ổ gà, cao su trước khi tăng cường mặt đường cũ.

- Nền đường đắp thông thường: Trước khi đắp nền phải tiến hành đào đất không thích hợp trung bình 0,5 m, sau đó đắp hoàn trả bằng vật liệu đắp. Khi độ dốc nền đường $>20\%$ tiến hành đánh cấp trước khi đắp nền, chiều rộng đánh cấp tối thiểu 1,0 m. Phần tiếp giáp đáy kết cấu áo đường dày 50 cm lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$. Mái dốc taluy thiết kế 1/1,5.

d) Kết cấu mặt đường: Kết cấu áo đường mềm, mặt đường cấp cao A1, đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 130$ Mpa.

đ) Nút giao, đường giao

- Thiết kế nút giao: Trên tuyến có các nút giao đầu tuyến với đường An Cường và cuối tuyến với đường tổ dân phố Nam Bắc Đường. Thiết kế nút giao dạng giao bằng, bán kính vuốt hài hòa đảm bảo kết nối êm thuận.

- Thiết kế đường giao: Thiết kế vuốt đường ngang hài hòa đảm bảo êm thuận.

e) Công trình cầu

Đầu tư xây dựng mới 02 cầu, gồm cầu bắc qua kênh Sa Thổ và cầu bắc qua kênh Ngòi Kéo; bề rộng cầu $B_{\text{cầu}} = 9$ m; tải trọng thiết kế cầu: Hoạt tải thiết kế HL93, người đi bộ 3 kN/m².

- Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm BTCT dự ứng lực và BTCT thường.

- Kết cấu phần dưới: Mố bằng BTCT đặt trên móng cọc BTCT.

g) Hệ thống thoát nước ngang: Xây dựng mới và nối dài cống thoát nước ngang đường, gồm: Cống hộp đồ tại chỗ, cống hộp và cống tròn đúc sẵn lắp ghép.

h) Hoàn trả kênh xây: Xây dựng hoàn trả khoảng 584 m kênh xây có khẩu độ $B = 1,2$ m phía trái tuyến.

i) Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế vạch sơn, cọc tiêu, biển báo hiệu đường bộ... đảm bảo an toàn giao thông theo quy định.

9. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng

- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054-2005.

- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38:2022/TCĐBVN.

- Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu TCVN 13567:2022.

- Lốp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2023.

- Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu TCVN 8858:2023.

- Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu TCCS 41:2022/TCĐBVN.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Tiêu chuẩn TCVN 9113:2012 Ống cống BTCT thoát nước.

- Tiêu chuẩn TCVN 9116:2012 Cống hộp bê tông cốt thép.

- Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 10304:2025.

- Thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017.

- Tải trọng và tác động TCVN 2737:2023.

- Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép TCVN 5574:2018.

- Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 85.000.000.000 (*Tám mươi lăm tỷ đồng*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC:	19.768.668.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	54.164.210.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.116.706.000 đồng;
- Chi phí tư vấn xây dựng:	3.720.697.000 đồng;
- Chi phí khác:	721.007.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	5.508.712.000 đồng.

11. Thời gian thực hiện: Năm (2026÷2028).

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án trực thuộc Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo quy định.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

a) *Phạm vi giải phóng mặt bằng:* Thực hiện theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) *Công tác giải phóng mặt bằng:* Giao Ủy ban nhân dân các xã: Hải An, Ninh Cường tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ dự án theo Quyết định phê duyệt này và kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 8887/SXD-QLXD ngày 12 tháng 8 năm 2026; triển khai các bước tiếp theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng. Trong bước thiết kế bản vẽ thi công, chỉ đạo đơn vị tư vấn tính toán đầy đủ, kỹ lưỡng thiết kế và dự toán; lựa chọn giải pháp thiết kế, vật liệu, định mức, đơn giá phù hợp, cân bằng đào - đắp hợp lý để tận dụng tối đa khối lượng đất đào (*nếu có*), đảm bảo an toàn, hiệu quả, tiết kiệm chi phí và tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành; chỉ được thi công theo tiến độ cấp vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; phối hợp chặt chẽ với địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng đảm bảo đúng quy định, phù hợp với phạm vi chiếm dụng; việc hoàn trả các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật có quy mô phù hợp với quy định về giải phóng mặt bằng, kiểm soát chặt chẽ chi phí không để vượt tổng mức đầu tư. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trước cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và trước pháp luật về quá trình triển khai thực hiện dự án.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định (*Sở Xây dựng*) chịu trách nhiệm toàn diện về tính đầy đủ, đúng đắn đối với các nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phương án cân đối, bố trí nguồn vốn cho dự án theo quy định, đáp ứng yêu cầu tiến độ.

4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Hải An, Ninh Cường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP, các VP2,3,5;
- Lưu: VT,VP4.

TD_VP4_QĐ80

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cao Sơn